

WRITTEN SCRIPT OF MONG ETHNIC GROUP IN VIETNAM - VIEWING FROM WRITTEN CONSTRUCTION TECHNIQUES

Phan Luong Hung

Institute of Linguistics

Email: hungphanluong@gmail.com

Received: 04/3/2022; Reviewed: 09/3/2022; Revised: 11/3/2022; Accepted: 14/3/2022; Released: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/664>

Currently, written script of Mong ethnic group in Vietnam is receiving much attention from society around the issues of social functions, attitudes of native people as well as the internal structure of the script. This article reviews and evaluates the Vietnamese Mong script from the perspective of writing construction techniques in comparison with the international Mong script in order to explain the current status of social functions and native people's attitudes.

Keywords: *Written script; The art of writing construction; Mong ethnic group; Vietnam; International.*

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu thống kê năm 2019 của Tổng cục Thống kê, dân tộc Mông có 1.251.040 người, cư trú tập trung chủ yếu ở các tỉnh Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Lai Châu, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An... Một số mới di cư tự phát vào các tỉnh Tây Nguyên như Đắk Lắk, Đắk Nông trong vài thập kỷ gần đây.

Tiếng Mông thuộc ngữ hệ Mông - Miên. Về mặt loại hình ngôn ngữ, tiếng Mông là một ngôn ngữ đơn lập, đơn tiết và có thanh điệu. Hệ thống phụ âm đầu và thanh điệu trong tiếng Mông rất phức tạp với số lượng thanh vị có thể lên tới 08 thanh. Trong đó, đáng chú ý là hệ thống phụ âm đôi lập đều đặn ở nhiều vị trí cấu âm theo các phương thức tắc, xát, tắc xát và các đặc điểm quặt lưỡi/không quặt lưỡi, tiền mũi/không tiền mũi.

Người Mông và các nhóm địa phương được đề cập đến với các tên gọi và cách phân nhóm khác nhau trong các tài liệu trong và ngoài nước. Nguyễn Trắc Dĩ (1972) liệt kê một số nhóm địa phương của dân tộc "Mèo", bao gồm: "Mèo trắng, Mèo đen và Mèo Hoa". Danh mục thành phần các dân tộc thiểu số ở Việt Nam do Tổng cục Thống kê công bố năm 1979 (TCTK) đưa ra một số tên gọi khác của dân tộc "Hmông (Mèo)", trong đó có một số tên gọi tương ứng với các nhóm địa phương: "Mèo, Mèo Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Nà Miêu, Mán Trắng". Ngô Vinh Bình - Nguyễn Khắc Tụng (1981) liệt kê ra một số nhóm địa phương "Hmông trắng, Hmông hoa, Hmông đỏ, Hmông đen, Hmông Súa". Đặng Nghiêm Vạn - Chu Thái Sơn - Lưu Hùng (1986) liệt kê một số nhóm địa phương "Hmông" như sau: "Hmông Xanh, Hmông Đỏ, Hmông Hoa, Hmông Đen, Hmông Trắng, Nà Miêu". Đặng Nghiêm Vạn

(2003) đề cập đến 06 nhóm địa phương "Hmông", bao gồm: "Hmông Xanh, Hmông Đỏ, Hmông Đen, Hmông Trắng, Hmông Hoa, Nà Miêu". Nguyễn Văn Lộc (chủ biên, 2010) đề cập đến 5 ngành "Mông", tương ứng với 5 phương ngữ Mông như sau: "Mông Đơ (Mông Trắng), Mông Lênh (Mông Hoa), Mông Si (Mông Đỏ), Mông Đu (Mông Đen), Mông Súa (Mông Xanh)". Trần Bình (2014) liệt kê một số tên gọi các nhóm địa phương của dân tộc "Hmông" như sau: "Hmông Đen, Hmông Trắng, Hmông Hoa, Hmông Xanh và Nà Miêu". Nguyễn Văn Lợi - Tạ Văn Thông - Hoàng Văn Ma - Lý Thị Hoa (2018) cho rằng xét về mặt ngôn ngữ, có thể thấy sự khác biệt giữa các ngành "Hmông": "Hmông Đơ, Hmông Lênh, Hmông Đu, Hmông Si và Hmông Súa". Nhìn chung, quan điểm của các nhà nghiên cứu về các nhóm địa phương dân tộc Mông về cơ bản là khá thống nhất đối với các nhóm như sau: Mông Đơ (Mông Trắng), Mông Lênh (Mông Hoa), Mông Si (Mông Đỏ), Mông Đu (Mông Đen), Mông Súa (Mông Xanh), Nà Miêu (Nà Miêu, Nà Miêu, Nà Miêu) và Mơ Piu

Cho đến nay, trên thế giới đã có nhiều loại chữ Mông khác nhau đã được chế tác, trong đó có chữ Mông Quý Châu, chữ Mông Hồ Nam, chữ Mông Văn Nam được chế tác từ những năm 1949 đến năm 1954 ở Trung Quốc; chữ Mông Txwj Zeb (1950), chữ Mông Sông Lừ (1950), chữ Mông Tsuj Yig (1997), Chữ Mông tượng hình hoa văn trang trí trên trang phục (1990-1991), chữ Mông Kitoo và chữ Mông La Tinh trên cơ sở tiếng Mông trắng (sau đây được gọi là chữ Mông quốc tế) (1953-1997) được chế tác ở Lào (Tho, 2016).

Ở Việt Nam, Savina chế tác bộ chữ Mông dựa trên ký tự tiếng Pháp khi truyền đạo ở Việt Nam năm

1917 (Tho, 2016). Năm 1961, một bộ chữ Mông khác (sau đây được định danh là chữ Mông Việt Nam) được Chính phủ Việt Nam xây dựng và ban hành trên cơ sở Nghị định 206-CP được thủ tướng Phạm Văn Đồng kí ban hành ngày 27/11/1961 “Quy định việc dùng chữ Tày-Nùng, chữ Thái và chữ Mèo ở các khu tự trị và ở các địa phương có đồng bào Tày, Nùng, Thái và Mèo”. Bộ chữ này được xây dựng dựa trên cơ sở tiếng Mông Lệnh ở Sapa (Thong & Tung, 2018) và có bổ sung thêm một số âm vị của các ngành Mông khác (Tho, 2016).

Hiện nay, ở Việt Nam còn đang lưu hành hai bộ chữ Mông khác nhau là chữ Mông Việt Nam và chữ Mông quốc tế với mức độ phổ biến rất khác nhau và nhận được nhiều ý kiến khác nhau về việc lựa chọn sử dụng bộ chữ nào. Trong bối cảnh đó, bài viết này của chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá bộ chữ Mông Việt Nam từ góc độ kỹ thuật xây dựng chữ viết, trong đối chiếu với bộ chữ Mông quốc tế nhằm góp phần hướng tới việc lý giải những thực tế nêu trên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Về hệ thống ngữ âm - âm vị học tiếng Mông, Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông, Hoàng Văn Ma, Lý Thị Hoa (2018) khẳng định rằng hệ thống ngữ âm các ngành Mông ở Việt Nam về cơ bản là thống nhất trong đa dạng. Điều này thể hiện ở sự thống nhất về số lượng thanh điệu từ 7-8 thanh nhưng sự hiện thực hóa các thanh này có những khác biệt nhất định ở các ngành, thậm chí là cùng ngành nhưng ở các địa phương khác nhau, các thanh cũng có sự khác biệt. Tiếng Mông Lệnh Sa Pa và tiếng Mông Đu, Mông Súa có 8 thanh nhưng tiếng Mông Lệnh ở Bắc Hà và tiếng Mông Đơ có 7 thanh. Các ngành Mông cùng có 13 vần đơn và đôi nhưng mỗi ngành lại có những nét đặc trưng riêng, có thể được tổng hợp ở bảng sau đây:

Âm vị	Mông Đơ	Mông Lệnh	Mông Si	Mông Súa	Mông Đu
/i/	+	+	+	+	+
/e/	+	+	+	+	+
/a/	+	+	+	+	+
/i/	+	+	+	+	+
/u/	+	+	+	+	+
/ɔ/	+	-	-	-	-
/ix/	+	-	-	-	+
/xi/	+	+	+	+	+
/xi/	+	+	+	+	+
/xu/	+	+	+	+	+
/au/	-	+	+	+	+
/ux/	+	+	+	+	+
/iŋ/	+	+	+	+	+
/uŋ/	+	+	+	+	+
/aŋ/	-	+	+	+	-

Chú thích. Âm vị được thể hiện bằng kí hiệu phiên âm quốc tế (IPA)

Có thể thấy một số vần chỉ xuất hiện ở một số phương ngữ nhất định. Về hệ thống phụ âm đầu, các ngành Mông Lệnh, Mông Đơ, Mông Đu đều có 57 phụ âm sau đây: /p/, /mp/, /ph/, /mph/, /pl/, /mpl/, /phl/, /mphl/, /t/, /nt/, /d/, /dh/, /th/, /ndh/, /tʰ/, /ntʰ/, /tʰh/, /ntʰh/, /k/, /ng/, /kh/, /nkh/, /q/, /nq/, /qh/, /ŋqh/, /tɕ/, /nɕ/, /ch/, /nch/, /ts/, /nts/, /tsh/, /ntsh/, /tʂ/, /ntʂ/, /tʂh/, /ntʂh/, /s/, /sʰ/, /z/, /zʰ/, /v/, /f/, /m/, /hm/, /n/, /hn/, /ɲ/, /hɲ/, /ŋ/, /l/, /hl/, /h/, /hml/, /nqh/. Riêng tiếng Mông Súa có tới 74 phụ âm với việc xuất hiện loạt phụ âm ngạc hóa và nhiều tổ hợp phụ âm khác còn tiếng Mông Si lại chỉ có 53 phụ âm với việc vắng mặt 04 phụ âm vang, tiền sát thanh hầu /hm, hn, hɲ, hl/. Như vậy, sự đa dạng của hệ thống ngữ âm - âm vị học tiếng Mông cũng đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết trong kỹ thuật xây dựng chữ Mông.

Liên quan đến việc đánh giá bộ chữ Mông Việt Nam, đã có một số công trình nghiên cứu đi trước, trong đó đáng chú ý là Nguyễn Kiến Thọ (2016) đã tiến hành đối chiếu chữ Mông Việt Nam và chữ Mông quốc tế và cho rằng “phần phụ âm và thanh điệu của cả hai loại chữ đều tương đối thống nhất với 57 phụ âm và 08 thanh điệu. Chữ Mông quốc tế có 13 ký hiệu nguyên âm thì chữ Mông Việt Nam có tới 29 ký hiệu nguyên âm trong khi thực tế Mông Trắng và Mông Lệnh cũng chỉ có 13 nguyên âm. Như vậy, trong bộ chữ Mông Việt Nam thừa 16 nguyên âm ít có/không có trong tiếng Mông” và đi tới nhận định “Việc đưa một số lượng lớn nguyên âm không có trong tiếng Mông vào hệ thống ký tự chữ Mông Việt Nam sẽ làm khó cho việc phát âm của người học và nếu có học cũng sẽ phát âm không chuẩn theo tiếng Mông. Mặt khác, sử dụng tiếng Mông Lệnh ở Sa Pa làm chính âm cũng là không mang tính đại diện, không căn cứ vào thực tế sử dụng ngôn ngữ Mông ở Việt Nam. Ngoài ra, việc biên soạn bộ chữ Mông năm 1961 còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ các bộ chữ Mông Trung Quốc”.

Hồ Bá Hòa (2021) cho rằng “Chữ Mông Việt Nam nguyên âm sử dụng nhiều ký tự là tiếng Việt như ê, ô, ơ, ăng, ư; nguyên âm sử dụng dấu phụ, có nhiều nguyên âm thừa không cần thiết như: Ơu, Êi, Ăng; không có phụ âm 4 âm tiết, các phụ âm còn lại không đánh vần được và sử dụng những phụ âm không đánh vần được để viết những từ đọc khó, bắt buộc người học phải ghi nhớ. Trong khi chữ Mông quốc tế có phụ âm từ một âm tiết đến 4 âm tiết và sử dụng những phụ âm có nhiều âm tiết đánh vần được theo quy tắc, trật tự, sắp xếp một cách khoa học nên dễ học, dễ nhớ; nguyên âm không sử dụng dấu phụ”.

Nguyễn Văn Hiệp (2021) trong khi bàn về thực trạng chữ Mông Việt Nam cũng cho rằng chữ Mông Việt Nam khó tiếp thu hơn chữ Mông quốc tế, khó

sử dụng đối với tiếng Mông ở một số địa phương và không phổ biến bằng chữ Mông quốc tế.

Nhìn chung, các nhận định của các tác giả đi trước đã phản ánh một thực trạng rằng chữ Mông Việt Nam vẫn còn những điểm bất cập nhất định mà bài viết này sẽ chỉ ra trong phần dưới đây.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

Bài viết tiếp cận vấn đề trên cơ sở lý thuyết ký hiệu học về tín hiệu ngôn ngữ. Theo đó, ngôn ngữ được coi là hệ thống tín hiệu đặc biệt. Ferdinand De Saussure (1916) cho rằng “ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu biểu hiện những ý niệm, và do đó có thể so sánh với chữ viết, với chữ của người câm điếc, với các nghi lễ tượng trưng, với các hình thức lễ độ, các tín hiệu nhà binh” và ngôn ngữ học chỉ là một phân ngành của tín hiệu học (Semiotics). Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về chữ viết và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và chữ viết, trong đó phổ biến nhất là quan niệm cho rằng ngôn ngữ và chữ viết là hai hệ thống tín hiệu khác nhau. Chữ viết là một hệ thống ký hiệu được dùng để ghi lại một hệ thống tín hiệu đặc biệt khác, đó là ngôn ngữ (Coulmas, 2003; Trask, 2007; Bussman, 2006). Từ giữa thế kỷ 20 cho đến nay, cùng với sự mở rộng tiếp cận với các ngôn ngữ mới và nỗ lực bảo tồn các ngôn ngữ nguy cấp, nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến các nhân tố quan trọng trong kỹ thuật xây dựng chữ viết.

William Smalley (1964) đưa ra năm nhân tố quan trọng trong khi tiến hành xây dựng chữ viết như sau: (1) Nguyên vọng, thái độ của người bản ngữ; (2) Tính đại diện; (3) Dễ học; (4) Dễ chuyển giao; (5) Dễ chế bản, in ấn.

Trên cơ sở năm nhân tố trên, Susan Malone (2004) đưa ra sáu tiêu chuẩn cho một hệ thống chữ viết lý tưởng như sau: (1) Được người bản ngữ chấp nhận; (2) Được chính quyền công nhận; (3) Dễ học; (4) Có khả năng biểu thị chính xác âm thanh của ngôn ngữ đó; (5) Có khả năng làm cầu nối với bộ chữ viết đa số; (6) Dễ chế bản, in ấn.

Về kỹ thuật xây dựng chữ viết, liên quan đến các vấn đề nội tại của hệ thống ngữ âm, Kenneth L. Pike (1963) đưa ra một số nguyên tắc như sau: (1) Mỗi ký tự ghi một âm vị; (2) Nếu có thể thì không đặt ký tự riêng cho các biến thể của âm vị; (3) Không đặt ký tự riêng cho biến thể tự do; (4) Khi người điều tra phát hiện thấy có hiện tượng sử dụng lẫn lộn hai âm vị trong hệ thống âm vị của ngôn ngữ đó, trong khi văn tự hóa phát ngôn thì ghi chính xác theo cách phát âm của cộng tác viên. Tuy nhiên, trong khi xây dựng chữ viết thì lựa chọn một cách viết nhất quán; (5) Liên quan đến các dạng viết tắt, cần viết theo đúng cách người bản ngữ phát âm; (6) Khi có sự khác biệt giữa cách phát âm nhanh

và chậm, chọn cách ghi theo cách phát âm ở tốc độ bình thường; (7) Khi kết quả phân tích cho thấy âm đó là phụ âm hoặc nguyên âm hoặc nguyên âm ngắn hoặc dài hoặc nguyên âm đôi/tổ hợp phụ âm thì cần ghi trung thực theo kết quả phân tích. Ưu tiên sử dụng ký tự đơn nhưng cũng có thể dùng tổ hợp ký tự nếu cần thiết; (8) Ký tự ghi thanh điệu hay trọng âm (nếu cần thiết) cần phải được ghi đầy đủ nếu nó có giá trị âm vị học; (9) Ranh giới giữa các từ thường dùng khoảng trống (space). Ranh giới giữa các bộ phận của từ nếu cần thiết thì có thể sử dụng dấu gạch ngang; (10) Một trong những vấn đề phức tạp nhất là có đặt ra các ký tự để ghi các từ vay mượn hay không. Nếu người bản ngữ phát âm các từ vay mượn theo cách phát âm của người bản ngữ thì không có vấn đề gì. Nếu người bản ngữ phát âm theo nguyên ngữ, bao gồm cả những âm không có trong hệ thống âm vị của người bản ngữ thì người nghiên cứu có thể phải thêm ký tự để ghi các âm này.

Về các vấn đề xã hội liên quan đến việc xây dựng chữ viết, Kenneth L. Pike (1963) đưa ra một số nguyên tắc như sau: (1) Phương án chữ viết phải nhận được sự đồng thuận của người bản ngữ; (2) Cố gắng tránh đưa các ký tự xa lạ với chữ viết quốc gia hay chữ viết của các ngôn ngữ phổ biến trong vùng; (3) Tránh tối đa việc sử dụng các dấu phụ (diacritic) nếu có thể, trừ khi các dấu phụ này đã được sử dụng trong ngôn ngữ quốc gia hoặc ngôn ngữ phổ thông vùng; (4) Ký tự được sử dụng phải dễ sử dụng trong khâu chế bản, in ấn; (5) Tận dụng tối đa ký tự Latin để chế bản, in ấn; (6) Sử dụng các ký tự dễ dạy người bản ngữ mù chữ; (7) Gần với các bộ chữ quốc gia và chữ phổ thông vùng để thuận lợi cho những người đã quen với các bộ chữ này; (8) Nếu có thể ký tự được lựa chọn sử dụng phải mang tính đại diện cho các phương ngữ càng nhiều càng tốt. Khi các phương ngữ có sự khác biệt về mặt âm vị, phương án tốt nhất là sử dụng bộ chữ viết mà phần lớn bao phủ được các phương ngữ. Từ bộ chữ cơ bản này, thêm hoặc bớt ký tự để phù hợp với đặc điểm tiếng nói của từng địa phương; (9) Các chính sách của chính quyền có thể ảnh hưởng tới việc lựa chọn ký tự; (10) Càng nhiều sách dạy chữ, tài liệu được giới thiệu đến người bản ngữ thì yêu cầu sử dụng loại chữ ghi âm vị càng tăng lên.

Clinton Robinson và Karl Gadelii (2003) khi bàn về vấn đề xây dựng chữ viết cho các ngôn ngữ chưa có chữ viết đã đưa ra một số bước như sau: *Bước 1*, ghi nhận các âm tố; *bước 2*, xác lập hệ thống âm vị; *bước 3*, lựa chọn kí hiệu để gắn với các âm vị, trong đó, tác giả lưu ý một số vấn đề: Ưu tiên sử dụng nguyên tắc mỗi con chữ ghi một âm vị, ưu tiên sử dụng chữ cái của ngôn ngữ phổ biến, mức độ phổ biến của ngôn ngữ quốc gia, chính sách ngôn ngữ của quốc gia, lịch sử, truyền thống của tộc người có

liên quan đến ngôn ngữ, chữ viết.

Có thể thấy, trong kỹ thuật xây dựng chữ viết, các tác giả đều chú ý tới một số nguyên tắc quan trọng sau đây: (1) Nguyên tắc đồng thuận của người bản ngữ; (2) Nguyên tắc phản ánh được chính xác đặc điểm ngữ âm - âm vị học của ngôn ngữ; (3) Nguyên tắc liên thông với bộ chữ của ngôn ngữ phổ biến, ngôn ngữ quốc gia; (4) Nguyên tắc bao quát được các phương ngữ (nếu có); (5) Nguyên tắc tiện dụng; (6) Nguyên tắc nhất quán.

3.2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp miêu tả và phương pháp đối chiếu để làm rõ các đặc điểm của bộ chữ Mông Việt Nam trong so sánh với bộ chữ Mông quốc tế. Trong đó, thủ pháp thống kê, phân loại được chú trọng nhằm làm nổi bật những đặc điểm kỹ thuật của hai bộ chữ này. Tư liệu của bài viết bao gồm các dữ liệu thu thập được từ các đợt khảo sát thực địa trong năm 2021 cũng như khai thác các nguồn dữ liệu thứ cấp của các tác giả đi trước và các văn bản pháp quy khác.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Về nguyên tắc đồng thuận của người bản ngữ

Thông qua kết quả phỏng vấn tại thực địa của chúng tôi trong năm 2021 đối với một số người Mông (bao gồm cả một số người đã theo học chữ Mông Việt Nam) ở Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Nghệ An, trong tương quan với chữ Mông quốc tế, chữ Mông Việt Nam về cơ bản là không được người bản ngữ ưa dùng trong đời sống hàng ngày. Trong khi đó, chữ Mông quốc tế có mức độ phổ biến cao hơn ở cả trong nước và quốc tế, với nguồn tài nguyên phong phú được lưu trữ trên không gian mạng, dễ tiếp cận và theo phần lớn người Mông được phỏng vấn thì “dễ học, dễ sử dụng hơn”. Chữ Mông quốc tế cũng được đa phần người Mông sử dụng trong các nhóm kín trên không gian mạng xã hội, nhắn tin cá nhân. Kết quả này tương đồng với khảo sát của Nguyễn Kiến Thọ (2016) trên 500 sinh viên các ngành Mông theo học tại Đại học Thái Nguyên. Theo đó, hầu hết các sinh viên được khảo sát đều có thể đọc và viết thông thạo chữ Mông quốc tế bằng con đường tự học. Hiện nay, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn đã đưa chữ Mông quốc tế vào chương trình giảng dạy cho cán bộ, giáo viên và lực lượng vũ trang phục vụ công tác dân tộc, tôn giáo, dân vận. Trong khi đó, sau thời kỳ phong trào học chữ Mông nở rộ từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỷ 19, chữ Mông Việt Nam hiện nay được giảng chủ yếu là dành cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang ở các địa bàn đông người Mông sinh sống, ngoại trừ một số tỉnh vẫn duy trì việc dạy tiếng Mông trong trường phổ thông ở bậc tiểu học như Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Nghệ An... ở quy mô khá khiêm tốn. Tương

tự, theo Hồ Bá Hứa (2021), kết quả điều tra, khảo sát của Ủy ban Dân tộc về việc sử dụng chữ viết của đồng bào dân tộc Mông tại các huyện của 08 tỉnh: Lào Cai, Sơn La, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Cao Bằng, Nghệ An đối với đồng bào dân tộc Mông và học sinh cấp 1, cấp 2, cấp 3 và sinh viên 06 trường đại học tại Hà Nội và Thái Nguyên trong 02 năm 2013 và 2014 cho thấy trên 70% thích sử dụng và lựa chọn chữ Mông quốc tế để học và sử dụng hàng ngày với lý do bộ chữ này dễ học, dễ nhớ, dễ sử dụng và thông dụng không những ở trong nước mà còn ở các quốc gia có cộng đồng dân tộc Mông sinh sống như Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Hoa Kỳ, Pháp... Trong khi số lượng ít chiếm khoảng dưới 20% số người được hỏi chủ yếu là người cao tuổi sử dụng chữ Mông Việt Nam.

4.2. Về nguyên tắc phản ánh chính xác đặc điểm ngữ âm - âm vị học của tiếng Mông

Kết quả khảo sát cho thấy ở phụ âm và thanh điệu, cả bộ chữ Mông Việt Nam và bộ chữ Mông quốc tế đều phản ánh chính xác hệ thống âm vị tiếng Mông với nguyên tắc một con chữ - một âm vị, cụ thể như sau:

STT	Âm vị	Chữ Mông Việt Nam	Chữ Mông quốc tế
1	/p/	p	p
2	/mp/	b	np
3	/ph/	f	ph
4	/mph/	mf	nph
5	/pl/	pl	pl
6	/mpl/	bl	npl
7	/phl/	fl	plh
8	/mphl/	mfl	nplh
9	/t/	t	t
10	/nt/	nt	nt
11	/d/	đ	d
12	/dh/	đh	dh
13	/th/	th	th
14	/ndh/	nth	nth
15	/t/	tr	r
16	/nt/	đr	nr
17	/th/	r	rh
18	/n[th/	nr	nrh
19	/k/	c	k
20	/ng/	g	nk
21	/kh/	kh	kh
22	/nkh/	nkh	nkh
23	/q/	k	q
24	/nq/	gr	nq
25	/qh/	kh	qh

26	/ŋqh/	nkhr	nqh
27	/tɛ/	ch	c
28	/ni/	nd	nc
29	/ch/	q	ch
39	/nch/	nq	nch
31	/ts/	tx	tx
32	/nts/	nz	ntx
33	/tsh/	cx	txh
34	/ntsh/	nx	ntxh
35	/tʂ/	ts	ts
36	/ntʂ/	nj	nts
37	/tʂh/	y	tsh
38	/ntʂh/	ny	ntsh
39	/s/	x	x
40	/ʂ/	s	s
41	/z/	j	z
42	/ɛ/	sh	xy
43	/z/	z	y
44	/v/	v	v
45	/f/	ph	f
46	/m/	m	m
47	/hm/	hm	hm
48	/n/	n	n
49	/hn/	hn	hn
50	/p/	nh	ny
51	/hɲ/	hnh	hny
52	/ŋ/	ng	g
53	/l/	l	l
54	/hl/	hl	hl
55	/h/	h	h
56	/hml/	hmn	hml
57	/nqh/	nkr	nqh

Ở hệ thống thanh điệu, cả chữ Mông Việt Nam và chữ Mông quốc tế đều thể hiện nhất quán theo nguyên tắc một ký hiệu ghi một âm vị thanh điệu. Chữ Mông Việt Nam sử dụng 07 chữ cái: “x, l, s, r, v, z, k” để thể hiện 08 thanh vị. Trong đó, riêng “k” không sử dụng ở một số ngành Mông. Trong khi đó, chữ Mông quốc tế sử dụng 06 chữ cái sau đây để thể hiện 07 thanh vị: “b, s, j, v, m, g”.

Ở hệ thống vần, chữ Mông quốc tế thể hiện thống nhất 13 vần bằng 13 con chữ như sau:

STT	Vần	Chữ Mông quốc tế
1	/a/	a
2	/ɛ/	e
3	/i/	i

4	/u/	u
5	/ɔ/	o
6	/i/	w
7	/ai/	ai
8	/xi/	aw
9	/au/	au
10	/ɛŋ/	ee
11	/oŋ/	oo
12	/ux/	ua
13	/ix/	ia

Trong khi đó, theo khảo sát của chúng tôi, chữ Mông Việt Nam lại xây dựng tới 28 vần khác nhau, bao gồm 15 vần xuất hiện trong tất cả các ngành Mông ở Việt Nam (xem bảng thống kê ở mục 4.2) và 13 vần vay mượn từ tiếng Việt, cụ thể như sau:

STT	Vần	Chữ Mông Việt Nam
1	/a/	a
2	/aj/	ai
3	/aw/	ao
4	/aŋ/	ang
5	/ãŋ/	ãng
6	/ɛ/	e
7	/e/	ê
8	/i/	i
9	/äj/	ei
10	/iŋ/	inh
11	/ɛŋ/	ênh
12	/o/	ô
13	/xw/	âu
14	/xu/	ơu
15	/ej/	ây
16	/oŋ/	ông
17	/u/	u
18	/u/	ư
19	/uo/	uô
20	/uŋ/	ung
21	/ie/	iê
22	/wan/	oang
23	/ew/	êu
24	/wa/	oa
25	/ɛŋ/	eng
26	/ɔ/	o
27	/oj/	ôi
28	/weŋ/	uênh

Tuy các con chữ ghi vẫn trong chữ Mông Việt Nam vẫn đảm bảo nguyên tắc một con chữ ghi một âm vị nhưng việc đưa tràn lan các vần vay mượn từ tiếng Việt vào trong khi xây dựng bộ chữ đã khiến cho số lượng các con chữ trong bộ chữ Mông Việt Nam tăng lên rất nhiều. Như vậy, ở nguyên tắc này, chữ Mông Việt Nam tuy đảm bảo tính chặt chẽ một con chữ ghi một âm vị nhưng lại không phản ánh đúng diện mạo ngữ âm - âm vị học của tiếng Mông với hệ thống vần vay mượn nhập hệ quá lớn.

4.3. Về nguyên tắc liên thông với bộ chữ của ngôn ngữ phổ biến, ngôn ngữ quốc gia mà trong trường hợp Việt Nam là đánh giá mức độ gần gũi với chữ Quốc ngữ của chữ Mông Việt Nam trong tương quan với chữ Mông quốc tế

Kết quả khảo sát đối với hệ thống phụ âm như sau:

- Đối với các âm vị cũng tồn tại trong tiếng Việt:

Chữ Mông Việt Nam giống chữ Quốc ngữ : 14/57 (24,56%) trường hợp: /d, m, n, ɲ, ɲ, v, l, h, p, t, s, ʃ, th, f/.

Chữ Mông quốc tế giống chữ Quốc ngữ: 10/57 (17,54%) trường hợp: /m, n, v, l, h, p, t, s, ʃ, th/.

- Đối với một số tổ hợp phụ âm, kết quả khảo sát cho thấy:

Chữ Mông Việt Nam giống chữ Quốc ngữ: 6/57 (10,53%) trường hợp: /pl, nt, hm, hn, hl, hɲ/.

Chữ Mông quốc tế giống chữ Quốc ngữ: 6/57 (10,53%) trường hợp: /pl, nt, hm, hn, hl, hml/.

Hai bộ chữ có một số điểm tương đồng: 17/57 (29,82%) trường hợp được khảo sát có cùng cách biểu thị âm: /p, pl, t, nt, th, kh, ts, s, ʃ, v, m, hm, n, hn, l, hl, h/.

Kết quả như sau đối với hệ thống vần như sau:

- Chữ Mông quốc tế có 7/13 (53,85%) trường hợp giống chữ Quốc ngữ.

- Chữ Mông Việt Nam có 26/28 (92,86%) trường hợp giống chữ Quốc ngữ.

Kết quả như sau đối với hệ thống thanh điệu như sau:

Cả chữ Mông Việt Nam và chữ Mông quốc tế đều sử dụng chữ cái thay vì dấu thanh để ghi thanh điệu như trong chữ Quốc ngữ.

Như vậy, đối với nguyên tắc về mức độ gần gũi với chữ Quốc ngữ, bộ chữ Mông Việt Nam có nhiều ưu điểm hơn so với bộ chữ Mông quốc tế.

4.4. Về nguyên tắc bao quát được các phương ngữ

Như đã nêu ở trên, nếu như chữ Mông quốc tế chỉ được dùng cho tiếng Mông Trắng thì chữ Mông Việt Nam có bổ sung thêm nhiều con chữ để ghi các biến thể địa phương các ngành Mông ở Việt Nam.

Tuy tiếng Mông Trắng được coi là tiếng Mông phổ thông ở Việt Nam với số lượng người nói vượt trội so với các ngành khác nhưng xét về kỹ thuật xây dựng chữ viết, ở tiêu chí này, chữ Mông Việt Nam có ưu điểm hơn.

4.5. Về nguyên tắc tiện dụng

Rõ ràng chúng ta có thể thấy bộ chữ Mông quốc tế có ưu thế hơn với hệ thống các con chữ gọn nhẹ hơn nhiều. Trong khi đó, cả hai bộ chữ đều dễ dàng được chế bản phục vụ công tác số hóa lên không gian mạng.

4.6. Về nguyên tắc nhất quán hay còn gọi là tính có quy luật

Kết quả khảo sát cho thấy thực tế như sau:

- Đối với đặc trưng tiền mũi /m-/: Nếu như chữ Mông quốc tế đảm bảo chặt chẽ được tính nhất quán sử dụng con chữ “n” thì chữ Mông Việt Nam không có được đặc điểm này:

STT	Âm vị	Chữ Mông Việt Nam	Chữ Mông quốc tế
1	/mp/	b	np
2	/mph/	mf	nph
3	/mpl/	bl	npl
4	/mphl/	mfl	nplh

- Đối với đặc trưng tiền mũi /n-/: Nếu như chữ Mông quốc tế đảm bảo chặt chẽ được tính nhất quán sử dụng chữ cái “n” thì chữ Mông Việt Nam không có được đặc điểm này:

STT	Âm vị	Chữ Mông Việt Nam	Chữ Mông quốc tế
1	/nt/	nt	nt
2	/ndh/	nth	nth
3	/nt/	đr	nr
4	/ng/	g	nk
5	/nkh/	nkh	nkh
6	/nq/	gr	nq
7	/nĩ/	nd	nc

- Đối với đặc trưng bật hơi /-h/: Nếu như chữ Mông quốc tế đảm bảo chặt chẽ được tính nhất quán sử dụng chữ cái “h” đối với cách thể hiện đặc trưng tiền mũi thì chữ Mông Việt Nam không có được đặc điểm này:

STT	Âm vị	Chữ Mông Việt Nam	Chữ Mông quốc tế
1	/ph/	f	ph
2	/mph/	mf	nph

3	/dh/	dh	dh
4	/th/	th	th
5	/ndh/	nth	nth
6	/rh/	r	rh
7	/nrh/	nr	nrh
8	/kh/	kh	kh
9	/nkh/	nkh	nkh
10	/qhr/	kh	qh
11	/nrqh/	nkh	nqh
12	/nch/	nq	nch
13	/tsh/	cx	txh
14	/ntsh/	nx	ntxh
15	/tgh/	y	tsh
16	/ntgh/	ny	ntsh
17	/nqh/	nkr	nqh

- Đối với các đặc trưng về vị trí, phương thức cấu âm, nếu như chữ Mông quốc tế đảm bảo chặt chẽ được tính nhất quán, có quy luật thì chữ Mông Việt Nam không có được đặc điểm này:

STT	Âm vị	Chữ Mông Việt Nam	Chữ Mông quốc tế
1	/q/	k	q
2	/nq/	gr	nq
3	/ts/	tx	tx
4	/nts/	nz	ntx
5	/tsh/	cx	txh
6	/ntsh/	nx	ntxh
7	/tgh/	ts	ts
8	/ntgh/	nj	nts
9	/qhr/	kh	qh
10	/nqh/	nkr	nqh

Bảng trên cho thấy chữ Mông Việt Nam dùng con chữ “k” để ghi âm một âm tắc, vô thanh, lưỡi con /q/ trong khi lại dùng chữ cái “r” để ghi chính đặc điểm ngữ âm này trong trường hợp /nq/. Trong khi đó, chữ Mông quốc tế thống nhất sử dụng chữ cái “q”. Tương tự, chữ Mông Việt Nam dùng con chữ “tx” để ghi âm tắc sát, đầu lưỡi, vô thanh /ts/ trong khi lại dùng chữ cái “z” để ghi đặc điểm ngữ âm này trong trường hợp /nts/. Các trường hợp tương tự có thể thấy ở cách xử lý đối với các phụ âm /tsh, ntsh, tgh, ntgh, qh, nqh/. Như vậy, có thể thấy ở tiêu chí này, chữ Mông Việt Nam thiếu tính quy luật, thiếu tính nhất quán hơn so với chữ Mông quốc tế. Điều này hạn chế khả năng loại suy của người

học, đặc biệt là đối với người dân tộc khác muốn học chữ Mông.

5. Thảo luận

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu theo 06 nguyên tắc xây dựng chữ viết đã xác lập ở trên, có thể thấy chữ Mông Việt Nam có một số ưu và nhược điểm nhất định. Về mặt ưu điểm, chữ Mông Việt Nam gần gũi với chữ Quốc ngữ. Đây là một điều kiện quan trọng, giúp cho người học đã biết chữ Quốc ngữ học chữ Mông Việt Nam thuận lợi hơn theo nguyên tắc bắc cầu trong việc học ngôn ngữ - chữ viết. Ngoài ra, các con chữ Mông Việt Nam có khả năng bao quát được hầu hết hệ thống âm vị của các phương ngữ Mông ở Việt Nam. Nói cách khác, bộ chữ Mông Việt Nam có thể ghi được cho hầu hết các phương ngữ Mông.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, bộ chữ Mông Việt Nam cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định. Đó là tính thiếu nhất quán và sự chồng chéo của bộ chữ với các hiện tượng ngữ âm - âm vị học ngoại lai được đưa vào với số lượng lớn khiến cho người học khó nhớ hơn. Những nhược điểm của chữ Mông Việt Nam lại chính là ưu điểm của chữ Mông quốc tế. Ngoài ra, như đã nêu ở trên, có một thực tế là hiện nay các nguồn tài liệu viết bằng chữ Mông quốc tế có thể dễ dàng truy cập trên không gian mạng, với nhiều nội dung; cùng với đó là việc chữ Mông quốc tế được biên soạn dựa trên cơ sở tiếng Mông Trắng - một phương ngữ được coi là tiếng phổ thông của dân tộc Mông với số lượng người nói vượt trội so với các ngành Mông khác. Chính những nhược điểm nêu trên đã khóa lấp những hạn chế của chữ Mông quốc tế và phần nào lu mờ những ưu điểm của bộ chữ Mông Việt Nam. Điều này lý giải vì sao người Mông ưa dùng chữ Mông quốc tế hơn.

6. Kết luận

Thực tế cho thấy, một bộ chữ muốn thực sự đi vào cuộc sống, cần phải nhận được sự ủng hộ của người bản ngữ. Thái độ ngôn ngữ của người bản ngữ đối với một bộ chữ là thước đo quan trọng nhất đối với bộ chữ đó xét cả về mặt khoa học, kỹ thuật xây dựng bộ chữ viết lẫn thực tiễn. Các kết quả nghiên cứu của bài viết đã cho thấy rõ hơn một số hạn chế của bộ chữ Mông Việt Nam trong so sánh với chữ Mông quốc tế từ góc độ nguyên tắc, kỹ thuật xây dựng chữ viết. Chính vì vậy, để việc phổ biến, giảng dạy, học tập và sử dụng bộ chữ Mông Việt Nam được hiệu quả hơn, thiết nghĩ cần tiếp tục nghiên cứu cải tiến bộ chữ này.

Tài liệu tham khảo

- Binh, T. (2014). *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Nxb. Lao động.
- Bussman, H. (2006). *Dictionary of language and linguistics*. London: Routledge.
- Clinton Robinson, & Gadelii, K. (2003). *Writing unwritten languages*. UNESCO.
- Coulmas, F. (2003). *Writing system – An Introduction to their linguistics Analysis*. Cambridge University Press.
- Di, N. T. (1972). *Dòng bao các sắc tộc thiểu số Việt Nam (Nguồn gốc và phong tục)*. Sài Gòn: Nhà in Truong Son.
- Hiep, N. Van. (2021). *Chu Hmong ở Việt Nam: Thực trạng và những vấn đề liên quan đến quyền ngôn ngữ*. Hà Nội: Viện Ngôn ngữ học.
- Hoanh, N. H., Loi, N. Van, & Thong, T. Van. (2013). *Ngôn ngữ, chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam* (N. H. Hoanh, chủ biên). Hà Nội: Nxb. Tu điển Bách khoa.
- Hua, H. B. (2021). *Về thực trạng sử dụng chữ Mông trong cộng đồng dân tộc Mông ở Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Viện Ngôn ngữ học.
- Kenneth L. Pike. (1963). *Phonemic – A Technique for reducing languages to writing*. The University of Michigan Press.
- Loc, N. Van. (2010). *Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa một số dân tộc thiểu số ở Việt Bắc* (chủ biên). Nxb. Đại học Thái Nguyên.
- Malone, S. (2004). *Manual for developing Literacy and Adult Education Programs in Minority Language Communities*. Bangkok: UNESCO.
- Smalley, W. (1964). *How Shall I Write This Language? Orthography Studies: Articles on New Writing Systems. Helps for Translators 6*. London: United Bible Societies.
- Tho, N. K. (2016). *Vấn đề lựa chọn chữ Mông trong đạo tạo, bồi dưỡng tiếng Mông hiện nay*. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trao*, số 7.
- Trask, R. L. (2007). *Language and Linguistics - the key concepts*. USA: Routledge.
- Tung, N. K., & Binh, N. V. (1981). *Đại gia đình dân tộc Việt Nam*. Nxb. Giáo dục.
- Van, D. N. (2003). *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*. Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Van, D. N., Son, C. T., & Hung, L. (1986). *Editions en langues étrangères*. Hà Nội.

CHỮ MÔNG VIỆT NAM NHÌN TỪ KỸ THUẬT XÂY DỰNG CHỮ VIẾT*

Phan Lương Hùng

Viện Ngôn ngữ học

Email: hungphanluong@gmail.com

Nhận bài: 04/3/2022; Phân biên: 09/3/2022; Tác giả sửa: 11/3/2022; Duyệt đăng: 14/3/2022; Phát hành: 31/3/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/664>

Hiện nay, chữ Mông ở Việt Nam đang nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội xung quanh các vấn đề về chức năng xã hội, thái độ của người bản ngữ cũng như cấu trúc nội tại của bộ chữ. Bài viết này tiến hành xem xét, đánh giá bộ chữ Mông Việt Nam từ góc độ kỹ thuật xây dựng chữ viết trong so sánh với chữ Mông quốc tế nhằm hướng tới việc lý giải hiện trạng về chức năng xã hội và thái độ của người bản ngữ.

Từ khóa: *Chữ viết; Kỹ thuật xây dựng chữ viết; Mông; Việt Nam; Quốc tế.*

* Bài viết là sản phẩm của đề tài “Tổng hợp các kết quả nghiên cứu và đề xuất kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan có liên quan về những vấn đề cấp bách để bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc của ngôn ngữ, chữ viết dân tộc thiểu số”. Mã số: ĐTDL.XH-06/19.